CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long

Ngày 30/06/2025	6,850 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.2%	**-8.8%**	**-**

DT thuần *Q2/25*
132 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 64.7| 95.9%
YoY: ▲ 43.3| 48.7%

LN thuần *Q2/25*
16.0 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼1.90| -10.8%
YoY: ▲ 0.50| 3.0%

LN sau thuế *Q2/25*
12.2 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼1.70| -12.1%
YoY: ▼0.20| -1.5%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
17.5%
YoY: +/-▼ 16.8%

ROE (TTM) *Q2/25*
5.9%
YoY: +/-▼ 0.1%

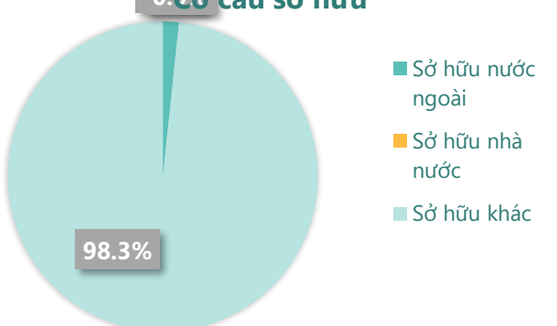
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,690 - 10,389
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	408
Số lượng CPLH (CP)	59,581,418
KLGD BQ 20 phiên (CP)	355,155
Sở hữu nước ngoài	1.7%
Beta	1.09
EPS	711
P/E	9.6

DT thuần *6T 2025*
199 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 28.0| 16.4%

LN thuần *6T 2025*
33.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 1.10| 3.3%

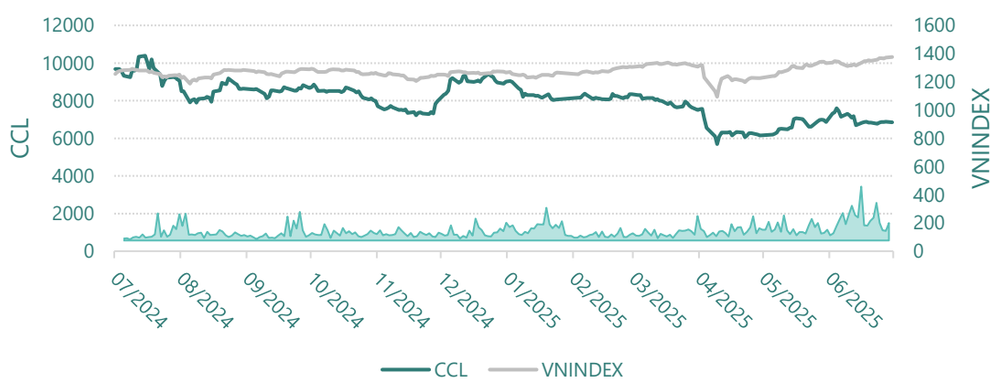
LN sau thuế *6T 2025*
26.1 *tỷ VNĐ*

Cơ cấu sở hữu

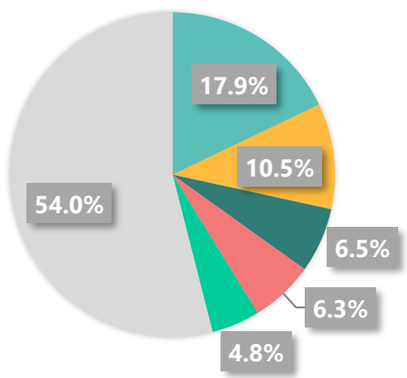


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

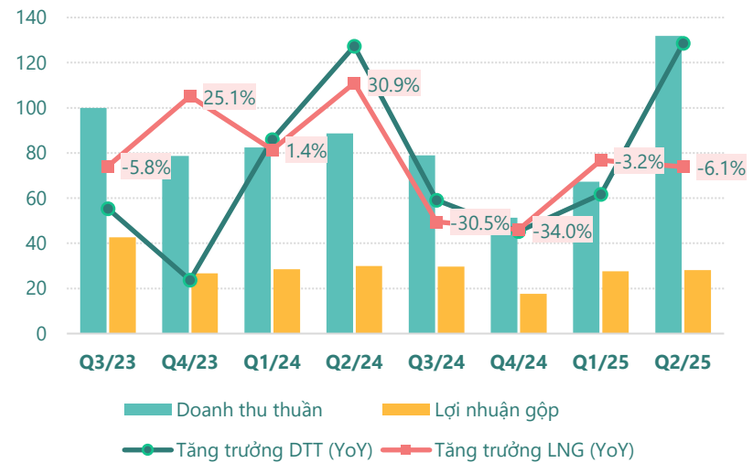


- Nguyễn Triệu Dõng (Chủ tịch HĐQT)
- Trịnh Sướng
- Tăng Lưỡng Nghi
- Dương Thế Nghiêm (Tổng giám đốc)
- Trương Bích Đào
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

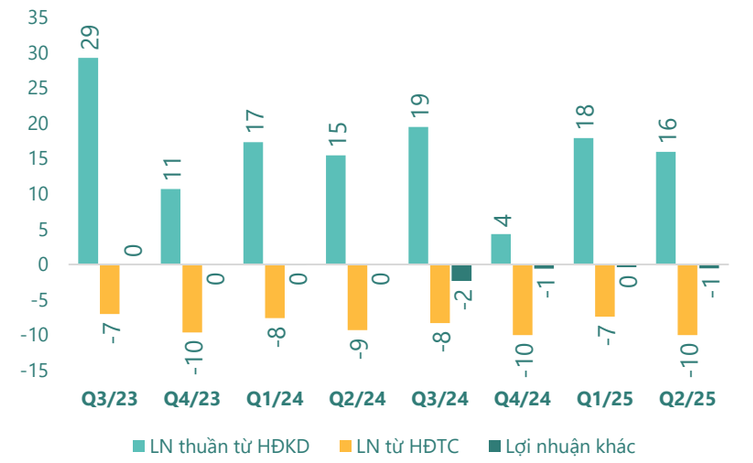
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



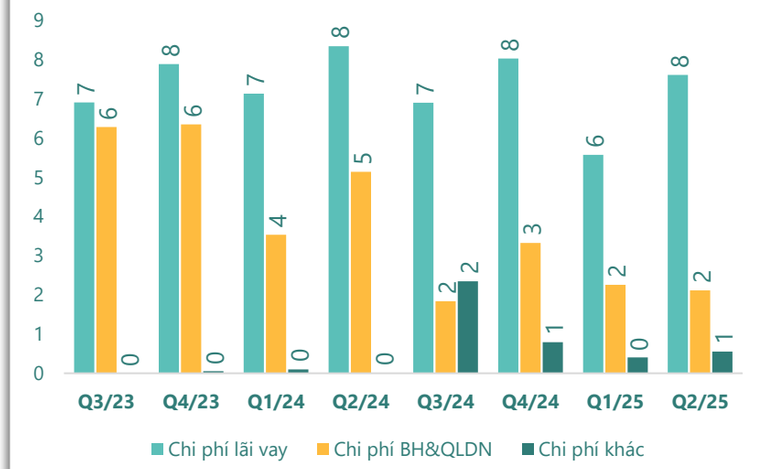
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



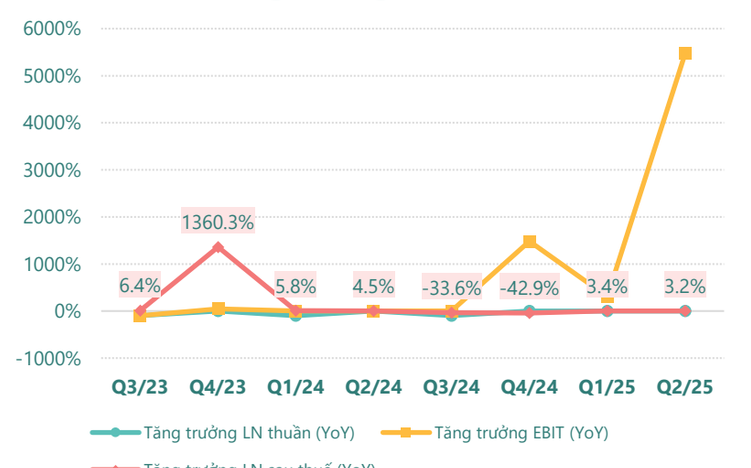
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



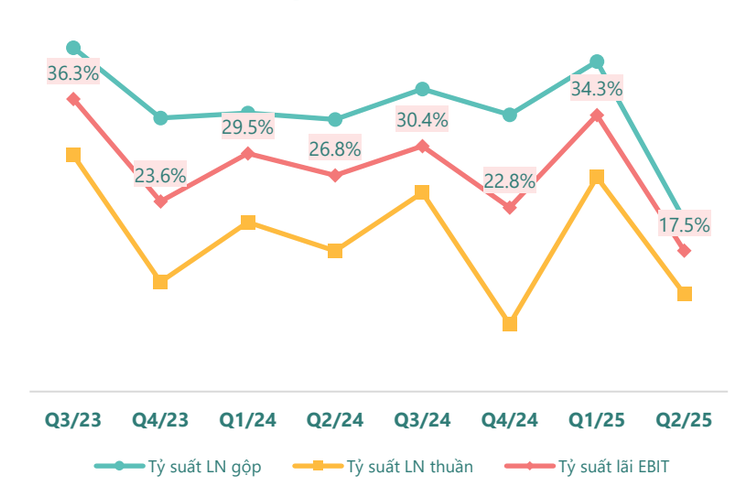
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



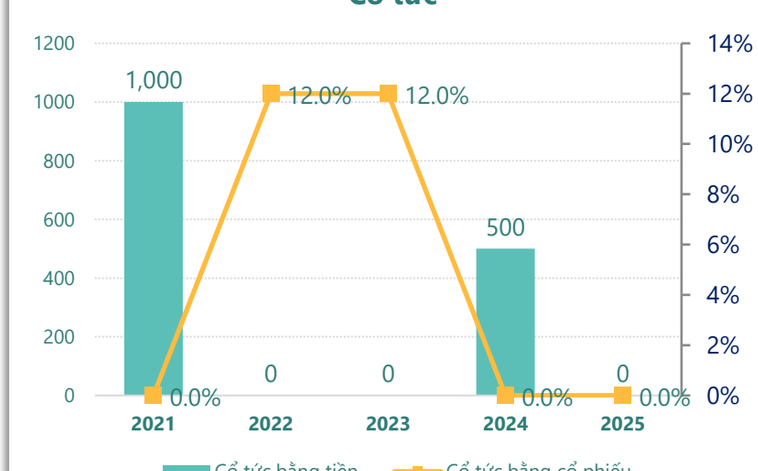
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

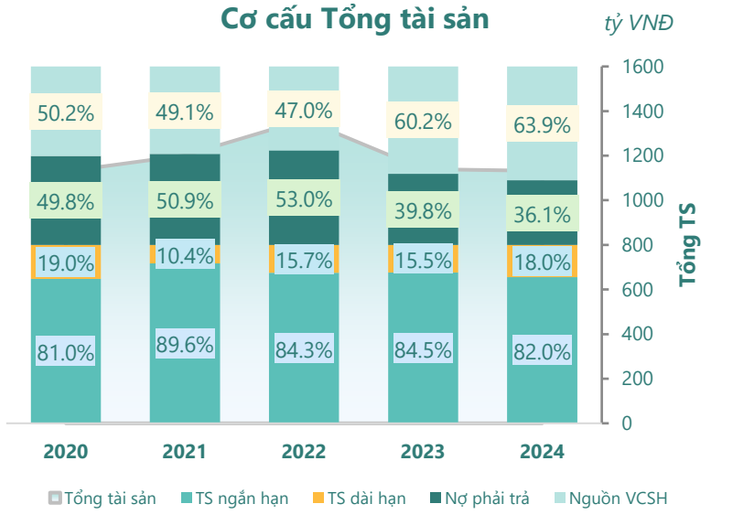
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

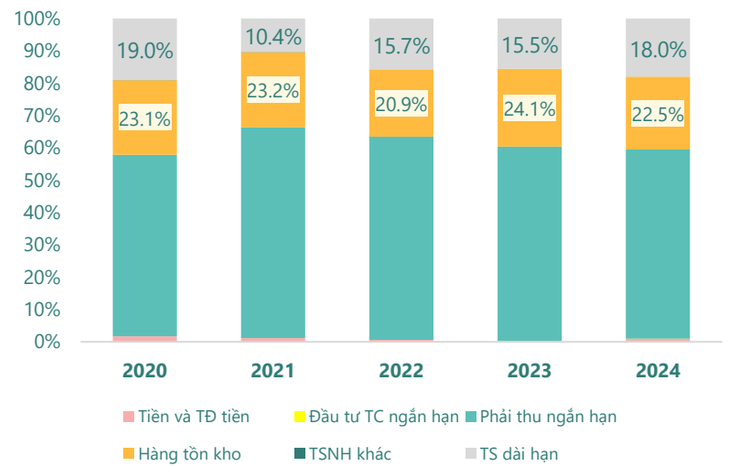
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



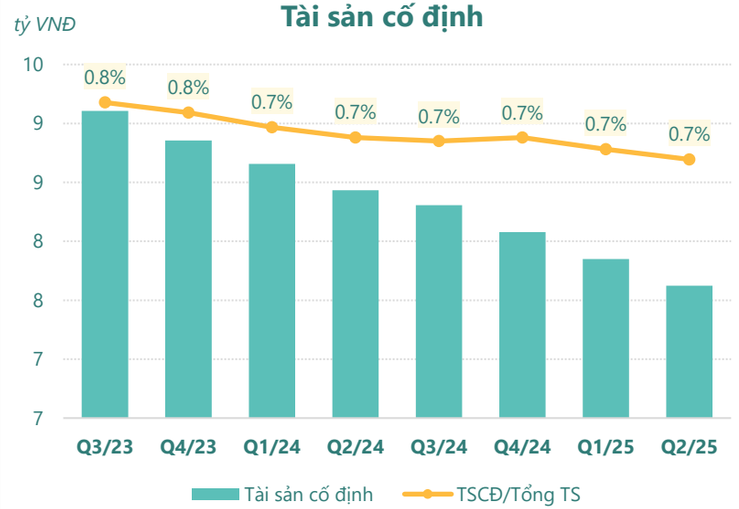
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



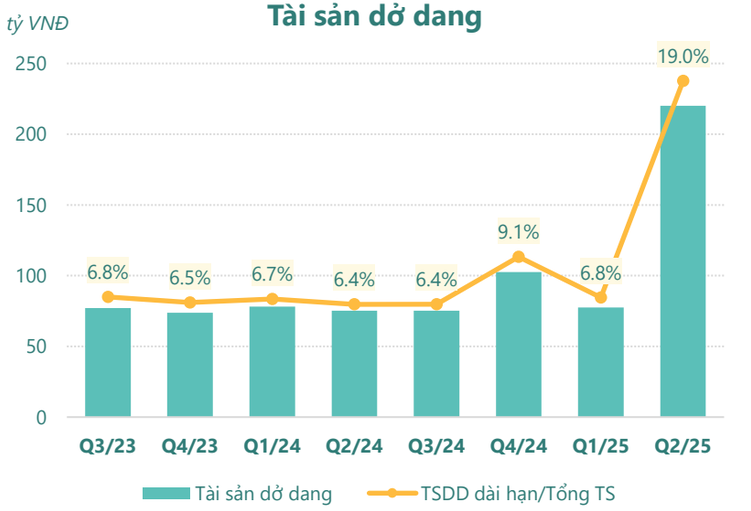
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



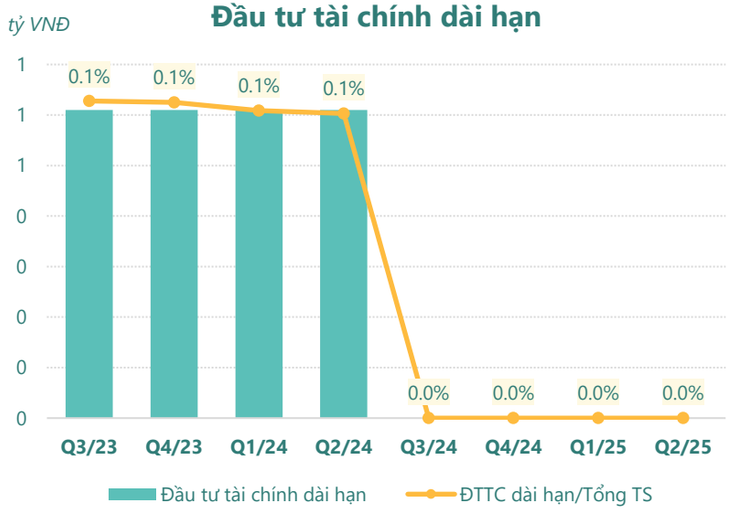
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



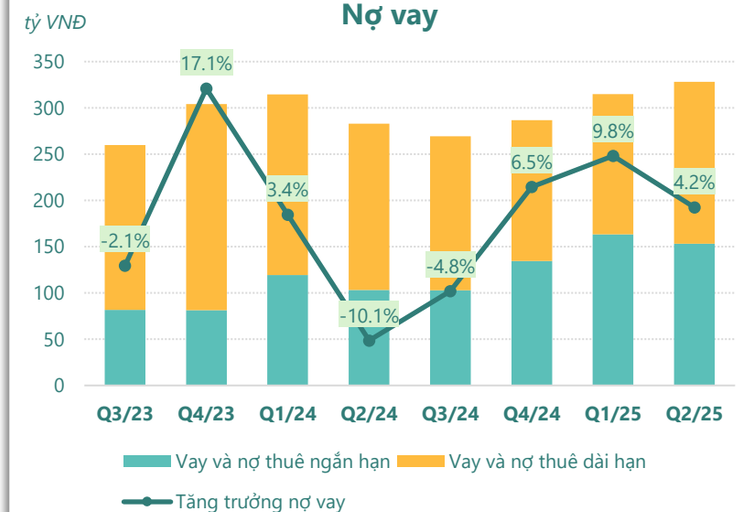
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

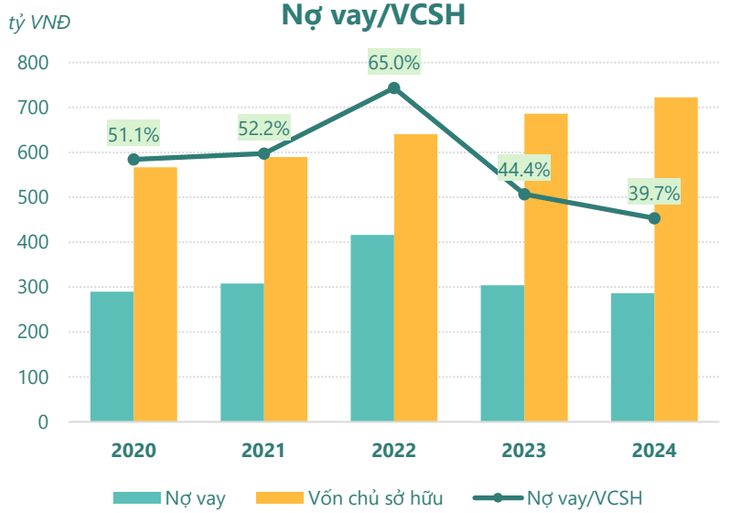
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

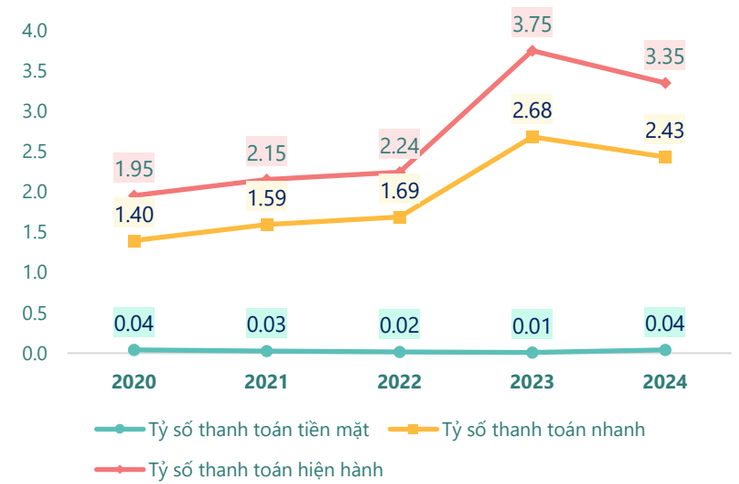
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



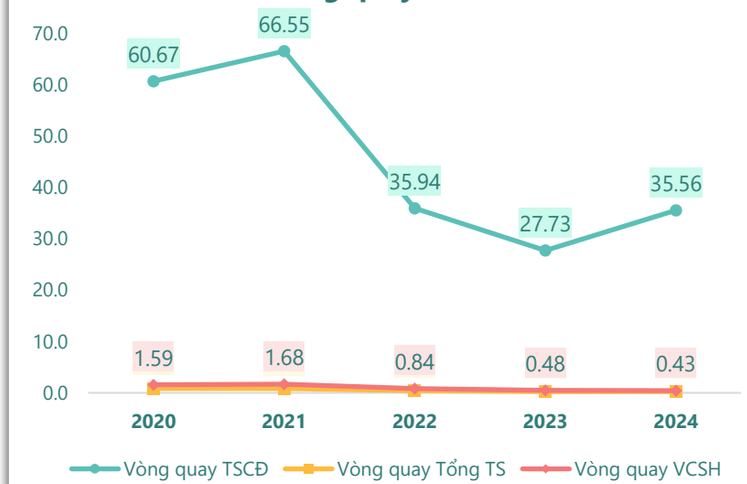
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



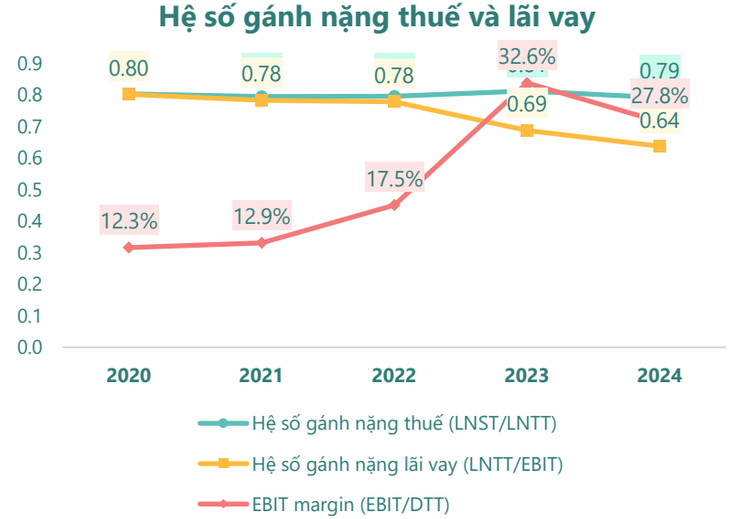
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



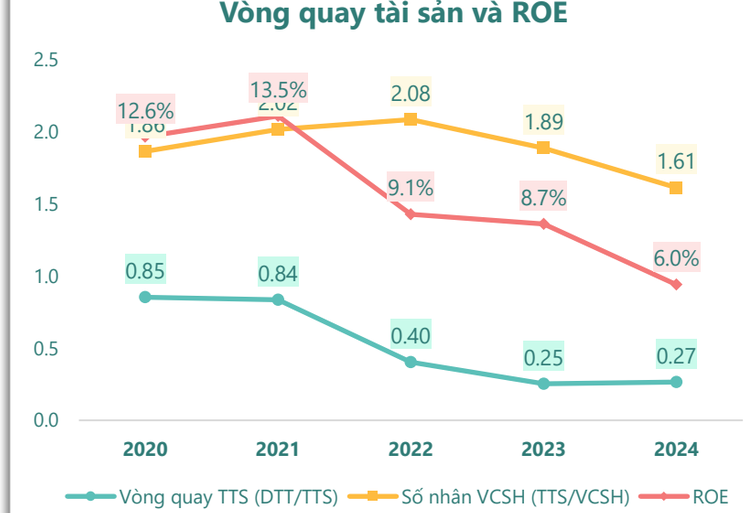
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



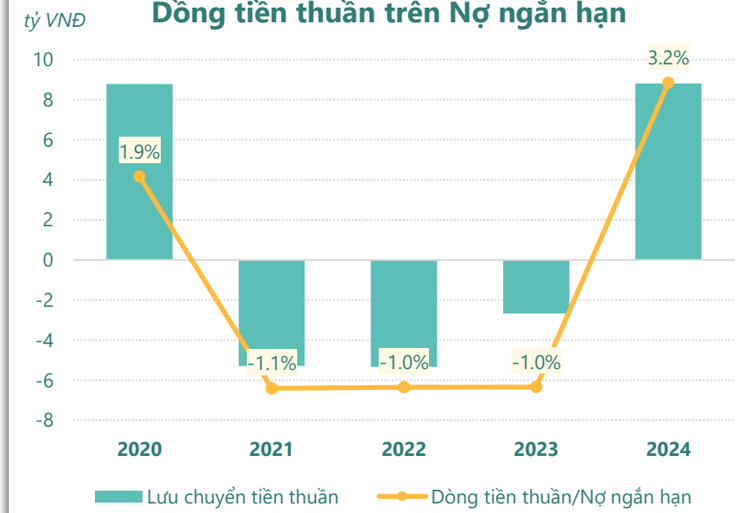
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**132**	**88.7**	**48.7%**	**199**	**171**	**16.4%**
Giá vốn hàng bán	104	58.8	76.5%	144	113	27.3%
Lợi nhuận gộp	28.1	29.9	-6.0%	55.7	58.4	-4.7%
Doanh thu HĐTC	0.11	0.10	12.3%	0.41	0.11	269%
Chi phí TC	10.1	9.42	7.5%	17.8	17.1	4.5%
Chi phí lãi vay	7.61	8.34	-8.7%	13.2	15.5	-14.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.45	3.40	-86.9%	0.72	5.07	-85.7%
Chi phí QLDN	**1.67**	**1.74**	**-4.2%**	**3.65**	**3.61**	**1.1%**
LN thuần từ HĐKD	16.0	15.5	3.0%	33.9	32.8	3.3%
Lợi nhuận khác	**-0.56**	**-0.01**	**-5472%**	**-0.96**	**-0.11**	**-776%**
LN trước thuế	15.4	15.5	-0.6%	32.9	32.7	0.7%
Lợi nhuận sau thuế	**12.2**	**12.4**	**-1.5%**	**26.1**	**26.1**	**0.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.2**	**12.4**	**-1.5%**	**26.1**	**26.1**	**0.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-10.6	38.9	10.5	-56.3	-5.29	3.68
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.10	0.71	43.1	0.30	-11.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.5	-31.9	-13.6	17.4	0.46	13.3
Tiền đầu kỳ	2.17	2.11	9.18	6.80	11.0	6.45
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.06**	**7.07**	**-2.38**	**4.18**	**-4.53**	**5.71**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.11	9.18	6.80	11.0	6.45	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,158**	**1,132**	**2.3%**
Tài sản ngắn hạn	838	928	-9.7%
Tiền và tương đương tiền	12.2	11.0	10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.4	0.02	51765%
Phải thu ngắn hạn	612	662	-7.5%
Hàng tồn kho	202	255	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**320**	**204**	**57.1%**
Phải thu dài hạn	62.8	62.8	0.0%
Tài sản cố định	7.62	8.08	-5.6%
Bất động sản đầu tư	29.4	30.2	-2.6%
Tài sản dở dang	220	103	115%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0.13**	**-42.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	440	409	7.6%
Nợ ngắn hạn	**261**	**277**	**-5.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	153	157	-2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.56	7.48	-39.1%
Nợ dài hạn	179	132	35.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	175	130	34.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**718**	**723**	**-0.7%**
Vốn chủ sở hữu	**718**	**723**	**-0.7%**
Vốn điều lệ	596	596	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)